TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU
Bản án số: 131/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 13-11-2019
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn.

Bà Nguyễn Kim Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Bà Võ Thúy Nhị - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 306/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 247/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1984 (có mặt).

Cư tại trú: Ấp R, xã R, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Ông Lê Văn L1, sinh năm 1985.

Cư tại trú: Ấp H, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019 ông L1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 9 năm 2019 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày: Bà và ông Lê Văn L1 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2001, đến năm 2016 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhan dân xã T Tây, huyện

Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy mâu thuẫn kéo dài không hòa hợp được trong lối sống, vợ chồng hay xảy ra cự cãi, vợ chồng không còn chung sống từ tháng 10 năm 2018 đến nay. Bà yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn L1. Trong quá trình chung sống bà và ông L1 có hai người con chung tên Lê Hồng G, sinh ngày 15 tháng 9 năm 2003 và Lê Hoàng V, sinh ngày 10 tháng 11 năm 2009, con chung do bà trực tiếp nuôi dưỡng, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung, bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản ghi lời khai ngày 23 tháng 10 năm 2019 bị đơn ông Lê Văn L1 trình bày: Ông đồng ý ly hôn với bà Phạm Thị L. Về con chung ông đồng ý giao hai người chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị L về việc yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn L1. Giao Lê Hồng G sinh ngày 15 tháng 9 năm 2003 và Lê Hoàng V, sinh ngày 10 tháng 11 năm 2009 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Phạm Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Lê Văn L1, yêu cầu trực tiếp nuôi con chung. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Lê Văn L1 là bị đơn đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Lê Văn L1.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị L và ông Lê Văn L1 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2001 đến năm 2016 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân của bà L và ông L1 là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa L giữ yêu cầu ly hôn với ông L1 vì cho rằng không còn thương yêu ông L1. Tại biên bản ghi lời khai ngày 23 tháng 10 năm 2019 ông L1 đồng ý ly hôn với bà L. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông L1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ly hôn giữa bà Phạm Thị L và ông Lê Văn L1.

[4] Về quyền nuôi con chung: Trong quá trình chung sống bà L và và ông L1 có hai người con chung tên Lê Hồng G, sinh ngày 15 tháng 9 năm 2003 và Lê Hoàng V, sinh ngày 04 tháng 3 năm 2016, con chung đang do bà L trực tiếp nuôi

dưỡng, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung. Tại biên bản ghi lời khai ngày 23 tháng 10 năm 2019 ông L đồng ý giao hai người con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy sự thỏa thuận giữa bà L và ông L1 là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật và phù hợp với nguyện vọng của hai người con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bà L và ông L1, giao hai người con chung tên tên Lê Hồng G, sinh ngày 15 tháng 9 năm 2003 và Lê Hoàng V, sinh ngày 04 tháng 3 năm 2016 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông L1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung bà L, ông L1 không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[6] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị như nêu trên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà L phải chịu 300.000 đồng, bà L đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị L và ông Lê Văn L1.

- Về quyền nuôi con chung: Giao hai người con chung tên tên Lê Hồng G, sinh ngày 15 tháng 9 năm 2003 và Lê Hoàng V, sinh ngày 04 tháng 3 năm 2016 cho bà Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông L1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về án phí: Bà Phạm Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0019447 ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, bà Phạm Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Văn L1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- UBND xã T huyện P, tỉnh Cà Mau
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều